

**NGÀY 30/01/2024**

| <b>STT</b> | <b>Chức năng</b>  | <b>Nội dung thay đổi</b>  |
|------------|---|---|
| 1          | Báo cáo "Báo cáo lượng xuất qua kho / các kho (tính lương)" | Bổ sung thêm cột "Bán khác" lấy dữ liệu từ chứng từ 492   |
| 2          | Báo cáo "Báo cáo tồn kho trống bể"                          | Loại bỏ những bể ngưng sử dụng  |
| 3          | Báo cáo "báo cáo chi tiết tích điểm ID"                     | Bổ sung thêm cột "Sử dụng điểm"   |
| 4          | Báo cáo "Công nợ phải thu của khách tại các CH - CT6"       | Bổ sung cột dữ liệu "Hạn mức công nợ Check"   |
| 5          | Báo cáo "Tình hình thực hiện hợp đồng"                      | Bổ sung cột "nhóm giảm giá"   |
| 6          | Báo cáo "báo cáo so sánh giữa chứng từ KS5 và"              | Bổ sung báo cáo   |
| 7          | Chức năng "Nhóm hồ sơ giá - công ty"                        | Bổ sung basetab con, trong đó:<br>+ Thể hiện các chứng từ PC8 đã được khai báo ứng với nhóm giá được chọn, các thông tin thể hiện: Mã chứng từ, Ngày hiệu lực (sắp xếp theo ngày hiệu lực từ gần nhất đến xa nhất). Khi click vào Mã chứng từ sẽ mở ra chứng từ PC8 đó<br>+ Có nút thêm mới. Khi thêm mới sẽ mở ra chứng từ PC8 |
| 8          | Báo cáo "Nhật ký chứng từ nhập xuất"                        | -Bổ sung điều kiện lọc: "loại giao dịch"<br>-Sửa tên giá trị "Tự động có POS" thành "Tự động"<br>- Bổ sung thêm cột "Loại giao dịch"  |
| 9          | Báo cáo "Chi tiết xuất bán khách dịch vụ"                   | -Bổ sung điều kiện lọc "Loại giao dịch"<br>-Sửa tên giá trị "Tự động có POS" thành "Tự động"  |
| 10         | Báo cáo "Chi tiết xuất bán khách dịch vụ- M10"              | Bổ sung điều kiện lọc "Loại giao dịch"  |
| 11         | Chức năng "Khóa kỳ tự động"                                 | Bổ sung chức năng "Cấu hình thời gian khóa kỳ tự động"  |
| 12         | Biên bản đối chiếu công nợ tiền hàng của cửa hàng M06       | Bổ sung lượng KTM vào phát sinh nợ và có  |
| 13         | Cân đối tiền hàng - công nợ (3) M21                         | - Bổ sung mục VI. Xuất hàng biếu tặng (lấy dữ liệu từ chứng từ 701,712)   |

| STT | Chức năng            | Nội dung thay đổi   |
|-----|----------------------|---|
|     |                      | - Bổ sung thêm Tiền từ các giao dịch KTM bên phát sinh Nợ và phát sinh Có   |
| 14  | KS6_Prepare          | - Điều kiện lọc "Nhóm hàng hóa" để thanh multil check<br>- Dữ liệu liệt kê tồn kho tương ứng với điều kiện lọc.<br>- Chính giới hạn tab "Thừa thiếu kiểm kê" chứng từ KS6 lên thành 300 dòng. |
| 15  | Gán kho cho cửa hàng | Bổ sung thông tin khai báo "Th.gian đi đường (Phút)"  |
| 16  | SR1                  | Kiểm tra ràng buộc để ngày giờ làm SR1<br>Kiểm tra khi load ngày giờ số phiếu xuống SR1 thì không cho chỉnh sửa   |

## NGÀY 21/08/2023

| STT | Chức năng                          | Nội dung thay đổi  |
|-----|------------------------------------|--|
| 17  | Báo cáo "Bảng kê hóa đơn lưu hành" | Bổ sung trường 'Biển số xe'  |
| 18  | Báo cáo "Kết xuất dữ liệu EGAS"    | Bổ sung lấy dữ liệu cột "Số xe"  |
| 19  | Tích hợp SAP                       | Tích hợp SAP là (SDD : 701, 711; Kiểm kê: KS5; Kiểm kê CL nhiệt độ: KS9) bỏ gác khi tích hợp đối với lượng < 0.5 lít |
| 20  | Xử lý lỗi TK chứng từ 416          | Cho phép chuyển từ tài khoản KTM sang TM và ngược lại.   |

## NGÀY 26/06/2023

| STT | Chức năng                                       | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 21  | BC Cân đối công nợ VP Cty - CHXD                | Mục 2.2 và được phân chia như mục 2.1 (Xăng dầu sáng, Dầu mỡ nhòn, ...)  |
| 22  | Khi copy số tiền từ Excel vào chứng từ Thu tiền | Khi dán dữ liệu từ Excel vào thì đối với các thông tin về số tiền thì sẽ cắt phần thập phân đi   |
| 23  | Báo cáo thông kê nhiệt độ bình quân gia quyền   | Thêm textbox để nhập điều kiện lọc giá trị (giới hạn giá trị nhỏ nhất và và giá trị lớn nhất về nhiệt độ) để lấy thông tin dữ liệu tính toán |

| STT | Chức năng                                     | Nội dung thay đổi   |
|-----|---|---|
| 24  | Chứng từ 416                                  | Cột "Loại thanh toán" hiển thị mặc định là 112714 - Bán hàng thanh toán thẻ HDB<br>- Bỏ Tài khoản "112713 - Bán hàng thanh toán thẻ PGB" ra khỏi danh sách chọn   |
| 25  | Chứng từ SR1                                  | "Tab Số đo vòi bơm chốt" của chứng từ SR1 bổ sung thêm cột Thời gian Agas hiển thị thời gian chốt cột bơm trước nhập.   |
| 26  | Báo cáo tỷ lệ bán hàng tại CHXD               | Bổ sung điều kiện lọc "Mặt hàng"  |
| 27  | Màn hình truy xuất cấu hình vòi bơm - bể chứa | -Màn hình cấu hình vòi bơm, các cột: số cột bơm / price factor / volume factor / Pump Address.<br>- Màn hình cấu hình bể chứa, các cột: Mã TĐH / USTDAAddress   |
| 28  | Nhật ký chứng từ nhập xuất                    | Bổ sung chức năng kiểm tra giá bán cho khách hàng so với giá bán lẻ niêm yết. Kiểm tra mức giảm giá có đúng chính sách:<br>- Bổ sung điều kiện lọc “chênh lệch giá”<br>- Thêm cột Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ |

## NGÀY 20/08 - 09/09/2022

| STT | Chức năng  | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 29  | Cập nhật số phiếu / Xe - 412D                    | Tiện ích Chính sửa cập nhật lại Số phiếu/Xe khi không đúng định dạng   |
| 30  | Cập nhật khách hàng TT3 - TT3C                   | Tiện ích Chính sửa cập nhật lại Khách hàng về đúng Mã khách ở Egas   |
| 31  | Báo cáo số liệu kiểm kê                          | Chính sửa điều kiện lọc "Chứng từ kiểm kê": Sắp xếp các chứng từ KS5 từ ngày gần nhất đến ngày xa nhất   |
| 32  | Báo cáo DWH                                      | Bổ sung 2 báo cáo trên DWH<br>1. Báo cáo Doanh thu sản lượng KTM theo công ty<br>2. Báo cáo Doanh thu sản lượng KTM theo CHXD  |
| 33  | Báo cáo hao hụt nhập                             | Bổ sung thêm trường “Kho xuất”   |
| 34  | Bổ sung hình thức đảm bảo nợ cho từng khách hàng | Bổ sung thêm cột "H.thức Đ.bảo" cho các báo cáo:<br>1. Công nợ phải thu của khách tại các cửa hàng<br>2. Báo cáo công nợ khách hàng( theo dư nợ cuối kỳ báo cáo)<br>3. Báo cáo tình hình công nợ khách hàng(theo dư nợ BQ) |
| 35  | Báo cáo thống kê giảm giá của từng khách hàng    | Bổ sung báo cáo mới  |

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 36  | Cải thiện chức năng đóng ca trong POS   | Chỉnh sửa chức năng mở ca trên POS từ màn hình EGAS: Khi mở ca POS từ EGAS, POS phải được mở thành công thì ca trên EGAS mới mở và có thông báo thành công. Trường hợp nếu mở ca không thành công cho POS thì EGAS sẽ báo lỗi và ca của POS trên EGAS sẽ vẫn ở trạng thái Off                |
| 37  | Bảng kê chi tiết Bồn  | Bổ sung điều kiện lọc "Thời gian lấy log"  |
| 38  | Xây dựng báo cáo phân biệt chứng từ 412 tự sinh và 412 thủ công trong nghiệp vụ TTKTM | - Thêm điều kiện lọc: Loại giao dịch: "Tự động có POS", "Thủ công", "Cả hai".<br>- Mục đích: Để phân biệt chứng từ 412 và 416 được tạo tự động từ POS hay tạo thủ công trên EGAS<br>Tại các báo cáo:<br>1. Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ<br>2. Nhật ký chứng từ nhập xuất hàng hóa |
| 39  | Báo cáo lượng xuất qua kho(tính lượng)  | Thêm lượng xuất KTM vào báo cáo lượng xuất qua kho(tính lượng)   |
| 40  | Nhật ký chứng từ nhập xuất hàng hóa   | 1. Bổ sung thêm cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ" ở sau cột "Giá bán lẻ có thuế"<br>2. Bổ sung thêm điều kiện lọc "Chênh lệch", "Bằng nhau", "Cả hai" căn cứ vào cột "Chênh lệch Giá bán/Giá bán lẻ"   |

**NGÀY 21/01/2022**

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 41  | Bảng kê xuất bán hàng hóa                         | Sửa cột "Đơn giá" trên Bảng kê xuất bán hàng hóa hiển thị giá trị có 2 số thập phân  |
| 42  | Biên lai bán hàng                                 | Biên lai bán hàng cho phép sửa được ô tên lái xe và số xe để nhân viên bán hàng có thể đánh máy được trước khi in  |
| 43  | Báo cáo tình hình xuất bán xăng dầu(DWH)          | Chỉnh sửa thêm điều kiện lọc nhóm hàng và hàng hóa để xem chi tiết   |
| 44  | Sửa mẫu in Phiếu xuất kho, nhập kho               | Sửa các mẫu in phiếu xuất Kho – nhập kho ( SO1, SO3, SO4, SR1, SR2, SR3)<br>- Thêm vào mẫu in cột <Mã hàng><br>- Thêm thông tin: Nơi nhận hàng dạng box để CH điền bằng tay tại bản in<br>- Tại phiếu xuất kho SO3: Thêm chữ ký "Người vận chuyển" |
| 45  | Bảng kê chứng từ thanh toán VP (Cst1)             | Bổ sung thêm hai cột Loại hình và Hạng mục phí vào báo cáo Cst1  |
| 46  | Chỉnh sửa nhóm báo cáo đối chiếu dữ liệu tích hợp | Bổ sung thêm 3 cột thông tin SAP - L15; EGAS - L15; Chênh lệch L15 trên báo cáo  |

| STT | Chức năng  | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 47  | Báo cáo đối chiếu sánh nhập hàng TH03                          | Báo cáo đối chiếu sánh nhập hàng TH03: tách cột ngày chứng từ cũ thành 2 cột ngày chứng từ tại phần SAP và Egas  |
| 48  | Báo cáo kết xuất dữ liệu Egas                                  | Báo cáo "Kết xuất dữ liệu Egas" bổ sung cột V15 - lượng tồn tại cửa hàng   |
| 49  | Bổ sung chuyển công nợ khách                                   | Bổ sung chuyển công nợ khách từ cửa hàng này sang cửa hàng khác  |
| 50  | Chỉnh sửa cơ chế tìm kiếm                                      | Chỉnh sửa cơ chế tìm kiếm mới của ô "Search" ở màn hình Uhome  |
| 51  | Nâng cấp Bảng kê hồ sơ giá                                     | Chỉnh sửa để đáp ứng yêu cầu so sánh sản lượng giá từng thời kỳ  |
| 52  | Danh mục Khách hàng  | Thêm mới chức năng lựa chọn "Hình thức đảm bảo" cho từng mã khách<br>'Thêm cột "HTĐB" (Hình thức đảm bảo) ở cuối các báo cáo:<br><ol style="list-style-type: none"> <li>Công nợ phải thu của khách toàn Cty</li> <li>Báo cáo tuổi nợ</li> <li>Công nợ khách/Báo cáo công nợ khách</li> </ol> |
| 53  | Bảng kê hóa đơn bán theo ca                                    | Bổ sung 2 cột tiền hàng và tiền thuế vào bảng kê hóa đơn bán hàng  |
| 54  | Quy trình xử lý chứng từ 416 lỗi tài khoản                     | Quy trình xử lý lỗi chọn sai tài khoản thẻ HD Bank hoặc PG Bank khi viết chứng từ 406  |
| 55  | Bổ sung phân cập nhật hóa đơn đầu vào của phân hệ Chi phí CHXD | Bổ sung thêm mức thuế 8% ở các chứng từ hóa đơn chi phí đầu vào BK3,BK9  |
| 56  | Gán công nợ khách hàng   | -Chức năng gán công nợ: chứng từ chiết khấu CK1 chuyển sang tab "Ctù thu tiền khách" để thực hiện gán công nợ<br>-Báo cáo: Công nợ phải thu theo ngày due-date (các chứng từ chiết khấu sẽ thể hiện giống như các chứng từ thanh toán)   |

**NGÀY 20/11/2021**

| STT | Chức năng                              | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 57  | Báo cáo sản lượng bán theo ngày        | Thêm điều kiện lọc Goto tại Báo cáo sản lượng bán theo ngày. Gộp 2 báo cáo<br><ul style="list-style-type: none"> <li>Thống kê sản lượng bán theo ngày(tổng hợp)</li> <li>Thống kê sản lượng bán theo ngày</li> </ul>  |
| 58  | Các báo cáo TĐH rà soát sửa đổi ĐK lọc | Sửa đổi điều kiện lọc bể chứa:Sắp xếp các vôi,bể không còn sử dụng ở cuối phần tìm kiếm, thêm chữ "KSD" vào các vôi, bể có status = Không sử dụng<br><ul style="list-style-type: none"> <li>Tại các báo cáo : nhiệt độ bể trung bình, giá bán áp tại cột bơm, bảng kê chi tiết số công tơ lít, báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể,</li> </ul> |

| STT | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
|     |  | báo cáo số liệu bể, báo cáo số liệu kiểm kê, báo cáo số liệu nhập hàng, diễn biến mức nước tại bể, diễn biến mức nước tại bể, báo cáo tồn kho trống bể, bk xuất bán theo giờ, bk xuất bán chi tiết qua bể/vòi bom, bk xuất bán tổng hợp qua bể/vòi bom  |
| 59  | Bảng kê hóa đơn MST( dl nén)   | Thêm điều kiện lọc:<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọc thời gian: Thêm giờ, chặn trong khoảng dữ liệu nén( lấy trong sysparam)</li> <li>- Thêm cột Số chứng từ: Trước cột Ngày chứng từ</li> </ul>   |
| 60  | Báo cáo hao hụt xuất   | Bổ sung báo cáo hao hụt xuất  |
| 61  | Bảng kê chi tiết bể  | Sửa đổi tên cột Chiều cao bể => chiều cao tối đa bể tại bảng kê chi tiết bể   |
| 62  | Báo cáo tổng hợp sức chứa tại cửa hàng                                 | Báo cáo tổng hợp sức chứa tại cửa hàng  |
| 63  | Báo cáo Evenlog  | Thêm điều kiện lọc: cảnh báo khi hàng tràn bể   |
| 64  | Bảng kê chi tiết log bán   | Bảng kê chi tiết log bán: Tại đây sẽ gộp 03 báo cáo.<br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng kê xuất bán theo giờ</li> <li>- Báo cáo thống kê tổng sản lượng xuất bán qua vòi</li> <li>- Bảng kê xuất bán qua bể)</li> </ul>   |
| 65  | Đối chiếu công nợ khách toàn công ty                                   | Bổ sung báo cáo biên bản đối chiếu công nợ cho một khách lấy ở nhiều cửa hàng   |
| 66  | Chỉnh sửa nội dung chứng từ nhập hàng SR1                              | Chỉnh sửa nội dung chứng từ nhập hàng SR1:<br><b>Tại tab Vận đơn</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường LTT cho phép nhập số thập phân (Phân thập phân chỉ cho phép nhập hai chữ số)</li> <li>- Làm tròn ra phần nguyên L15</li> </ul> <b>Tại tab Số đo phương tiện</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- LTT làm tròn mất số thập phân</li> </ul> <b>Tại tab Hạch toán XDS</b><br><ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường LTT cho phép nhập số thập phân (Phân thập phân chỉ cho phép nhập hai chữ số)</li> <li>- Làm tròn ra phần nguyên L15</li> </ul> |
| 67  | Chỉnh sửa điều kiện lọc dung tích tại báo cáo Bảng kê chi tiết log bán | Chỉnh sửa điều kiện lọc dung tích tại báo cáo Bảng kê chi tiết log bán  |
| 68  | Thu tiền khác trong ca D2  | Sửa chứng từ D2 cập nhật bổ sung nghiệp vụ thu tiền bán bảo hiểm qua POS Hdbank và Pgbank   |

| STT | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 69  | Bổ sung phần cập nhật hóa đơn đầu vào của phân hệ Chi phí CHXD | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo mới mức thuế suất 3.5% và 7% ở danh mục biểu thuế suất.</li> <li>- Chặn lưu chứng từ khi nhập trùng "Mẫu HĐ-Số kê ri", "Số hóa đơn", "Loại hóa đơn" ở Tab "Hóa đơn giá trị gia tăng".</li> <li>- Cho phép tạo nhiều chứng từ trùng "Mẫu HĐ-Số kê ri", "Số hóa đơn" nhưng khác "Loại hóa đơn" (thuế suất).</li> </ul> |

NGÀY 20/09/2021

| STT | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 70  | Báo cáo Đối chiếu so sánh nhập hàng CHXD                                       | Bổ sung thêm cột thông tin L15  |
| 71  | Clear công nợ  | <p>Chỉnh sửa cho phép gán tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Khi số lượng chứng từ xuất hàng =&lt;200 dòng: chương trình list hết các chứng từ</li> <li>▪ Khi số lượng chứng từ xuất hàng cần gán &gt; 200 dòng, chương trình chỉ hiển thị 200 chứng từ tương ứng với 200 dòng này. Lượng tiền được gán thanh toán = lượng tổng tiền của 200 chứng từ xuất được liệt kê. Số lượng các chứng từ vượt quá 200 dòng này người dùng phải thực hiện clear vào chứng từ tiếp theo</li> </ul> |
| 72  | Chỉnh sửa Bảng kê hóa đơn MST  | Bổ sung cột số lượng, đơn giá<br>Bổ sung các điều kiện lọc các hóa đơn lỗi tạo, hủy   |
| 73  | Khóa số liệu tại Cột thực nhận khi nhập hàng SR1                               | Khi nhập hàng, EGAS sẽ lưu phiên bản đầu tiên của chứng từ SR1 với thông tin Vtt (tab Phần đo bề). Đây sẽ là căn cứ để xác định việc thông tin đo bồn có bị sửa không (nội dung 5)  |
| 74  | Báo cáo đối soát lượng hàng nhập – SR1   | Bổ sung báo cáo đối soát lượng hàng nhập – SR1 So sánh số liệu Vtt lần đầu nhập hàng và Vtt tại bản ghi hiện tại của chứng từ SR1.  |
| 75  | Báo cáo nhiệt độ bình quân từng bể, từng mặt hàng, từng cửa hàng trong từng kỳ | Bổ sung thêm báo cáo tính nhiệt độ bình quân từng bể  |
| 76  | Báo cáo thống kê tổng lượng xuất bán theo vôi                                  | Bổ sung thêm báo cáo thống kê tổng sản lượng xuất bán theo vôi  |
| 77  | Báo cáo biến biến mức nước tại bể  | Bổ sung cột chiều cao hàng, ghi nhận giá trị thực tế  |
| 78  | Báo cáo kiểm kê quỹ lấy cả các chứng từ từ phát sinh vào 23h59                 | Báo cáo kiểm kê quỹ lấy cả các chứng từ từ phát sinh vào 23h59  |
| 79  | Báo cáo sản lượng qui đổi  | Bổ sung thêm điều kiện lọc theo khách vào báo cáo sản lượng quy đổi   |
| 80  | Báo cáo phân quyền menu theo nhóm  | Bổ sung báo cáo quản trị: Báo cáo phân quyền menu theo nhóm   |

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi   |
|-----|---|---|
| 81  | Báo cáo phân quyền giao dịch theo nhóm  | Bổ sung báo cáo quản trị: Báo cáo phân quyền giao dịch theo nhóm                              |
| 82  | Báo cáo tổng hợp tình hình xuất bán hóa đơn sau                                 | Bổ sung thêm điều kiện lọc theo ngành hàng  |
| 83  | Biên bản đối chiếu công nợ khách  | Chỉnh sửa lại các Sắp xếp theo thời gian phát sinh giá  |
| 84  | Nhóm các báo cáo xuất bán   | Bổ sung thêm điều kiện lọc theo nhóm giá tại nhóm các báo cáo xuất bán                        |
| 85  | Biên bản hủy hóa đơn:   | Thêm trường ghi chú để ghi nhận thông tin hóa đơn thay thế, trường này để trống (CH điền tay) |
| 86  | Biên lai bán hàng   | Thêm ô trống để CH nhập tay Tên lái xe; CBCNV   |
| 87  | Chứng từ SR1: thêm chức năng copy dữ liệu từ tab Vận đơn sang Số đo phương tiện | Thêm chức năng copy dữ liệu từ tab Vận đơn sang Số đo phương tiện                             |

## NGÀY 15/05/2021

| Stt | Chức năng   | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 1   | Chỉnh sửa Biên bản thanh lý hợp đồng (M05)  | Đang chi tiết theo mặt hàng, kỳ giá làm cho biên bản dài, khó theo dõi -> thêm phần tổng hợp theo mặt hàng, sản lượng để dễ theo dõi<br>Mục "Đại diện bên bán" bổ sung các thông tin Người đại diện, Chức vụ, Số giấy ủy quyền, Ngày ủy quyền trong danh mục Công ty nội bộ của Danh mục toàn ngành và hiển thị các thông tin đó trên Biên bản thanh lý hợp đồng để các CH không phải cập nhật lại các thông tin này |
| 2   | Chỉnh sửa "Báo cáo nhanh công nợ đến hạn CH"  | Thêm chức năng chọn:<br>- Chỉ lấy thông tin các KH bị đáo hạn<br>- Cho chọn số ngày đáo hạn khi chạy báo cáo. Ví dụ chỉ lấy thông tin KH có ngày đáo hạn từ 1 - 10 ngày, từ 10 - 20 ngày, ... hoặc chọn KH có ngày đáo hạn dưới 10 ngày, trên 10 ngày.   |
| 3   | Thêm giao dịch PGbank mới: Bán hàng thẻ trả trước online                                    | - Thêm mã giao dịch mua qua thẻ mới<br>- Chỉnh sửa 02 báo cáo liên quan: Báo cáo đối chiếu thanh toán thẻ PBBank; Xem chi tiết giao dịch thẻ   |
| 4   | Thêm các báo cáo mới (yêu cầu KTT Tập Đoàn)   | Thêm các mẫu báo cáo theo yêu cầu của KTT Tập Đoàn   |
| 5   | Chỉnh sửa báo cáo tổng hợp thu chi tiền mặt: điều chỉnh công thức tính số dư tiền bình quân | Rà soát lại công thức tính Số dư bình quân   |
| 6   | User tự động bị logout  | Rà soát để User hạn chế bị logout do mất session   |



**NGÀY 07/04/2021**

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 1   | Bắt buộc nhập trường diễn giải tại các chứng từ khai báo chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10)   | Trường "Diễn giải" tại các chứng từ khai báo chi phí (BK3, BK5, BK9, BK10) chuyển thành bắt buộc nhập (hiện tại có thể để trống)   |
| 2   | Bổ sung chiều phân tích Khách hàng tại Báo cáo chi tiết chiết khấu thương mại  | - Bổ sung mẫu báo cáo mới chạy qua phần Goto<br>- Bổ sung link drilldown từ Bảng kê chi tiết chiết khấu thương mại (dòng khách hàng) sang báo cáo mới<br>- Tên mẫu: R032 |
| 3   | Bảng kê chi tiết CKTM bổ sung thêm cột Ghi chú   | Bổ sung cột ghi chú, lấy thông tin từ trường Ghi chú tại tab Hóa đơn các chứng từ xuất hóa đơn   |
| 4   | Bảng kê chứng từ thanh toán V-P Cst1" bổ sung Đk lọc chọn được nhiều kỳ thanh toán   | - Chính sửa điều kiện lọc multicheck cho phép chọn nhiều kỳ<br>- Chính sửa header của báo cáo để hiển thị nhiều kỳ trong trường hợp chọn nhiều kỳ.                       |
| 5   | Công nợ phải thu của khách toàn Công ty bổ sung thêm 2 cột: Hạn mức công nợ check. Trạng thái kiểm tra khi xuất hàng   | Bổ sung 02 cột Hạn mức công nợ check và Trạng thái kiểm tra khi xuất hàng (tham chiếu thông tin từ phần gán khách cho CH)  |
| 6   | Chính sửa phân khi cài đặt EGAS: Tại màn hình form Client Registration, đề nghị sửa giá trị mặc định đường dẫn thành egassync.petrolimex.com.vn để người dùng không phải sửa khi cài đặt | Tại màn hình form Client Registration, đề nghị sửa giá trị mặc định đường dẫn thành egassync.petrolimex.com.vn để người dùng không phải sửa khi cài đặt                  |
| 7   | Chính sửa phân khi cài đặt EGAS: Tại bước đồng bộ dữ liệu, hiển thị tiến độ thực hiện đồng bộ để người dùng biết   | Tại bước đồng bộ dữ liệu, hiển thị tiến độ thực hiện đồng bộ để người dùng biết  |
| 8   | Danh mục Kỳ nhiệt độ khoán: Bổ sung kết xuất Excel   | Bổ sung kết xuất Excel   |
| 9   | Chính sửa liên quan tới phát hành hóa đơn truyền thống   | Chính sửa để EGAS không còn phát hành được HĐTT  |

**NGÀY 11/03/2021**

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 1   | Phân quyền theo chi tiết chức năng   | Phân quyền chi tiết (Đọc, Thêm mới, Sửa, Xóa) cho từng chức năng, báo cáo         |
| 2   | Chứng từ SR1 khi nhập sẽ tham chiếu từ Đơn hàng đã được phê duyệt của VP chỉ nhập nhiệt độ, tỷ trọng. Có sự tham chiếu giữa đơn hàng và chứng từ nhập hàng SR1. Chia 2 TH: | Tham chiếu trực tiếp thông tin xuất hàng từ SAP vào phần nhập hàng tại SR1 (EGAS) |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   | Nếu đơn hàng đã duyệt nhưng chưa có chứng từ nhập hàng tương ứng thì đơn hàng sẽ ở trạng thái<br>1. Hàng chưa nhập kho<br>2. Hàng đã nhập kho  |  |
| 3 | Bổ sung theo mẫu Bảng kê xuất bán theo Khách - Group - Mặt hàng  | Kiểm thử bổ sung chức năng: Xây dựng biểu nhập Ngày hết hạn hiệu lực Hồ sơ giá   |
| 4 | Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức (M24)  | Mẫu biểu M24 theo QCQLCH   |
| 5 | Hiển thị các thông tin trên tab "Người nhận hàng" bao gồm: Số xe, Người lấy hàng, Số kiểm soát (đã có tại chứng từ E422) trên báo cáo "Nhật ký chứng từ nhập xuất" và chức năng "Kết xuất dữ liệu Egas" (kết xuất excel) | - Bổ sung thông tin tại tab Người nhận hàng<br>- Bổ sung tab Người nhận hàng tại một số chứng từ<br>- Chỉnh sửa báo cáo liên quan                                    |
| 6 | Cải tiến ô tìm kiếm tại EGAS   | Nâng cấp ô tìm kiếm lần 2:<br>- Cho phép xem lại các ô đã tick chọn trước đó<br>- Thêm nút chọn lại: xóa các ô đã tick trước đó<br>- Thêm nút tắt giao diện tìm kiếm |
| 7 | WS3: Đổi tên cột "Xuất thử máy" thành "Xuất khác"  | Tại chứng từ WS3, đổi tên cột "Xuất thử máy" thành "Xuất khác".<br>Chỉnh sửa các báo cáo liên quan   |
| 8 | Thêm cột ĐVT tại Báo cáo xuất bán theo kho (CT8)   | Thêm cột ĐVT tại Báo cáo xuất bán theo kho (CT8)   |
| 9 | Rà soát các báo cáo hao hụt: Thống nhất công thức lượng tính hao hụt (Nhập+Xuất)/2   | Rà soát loại bỏ các báo cáo hao hụt có:<br>Lượng tình hao hụt = Lượng xuất   |

## NGÀY 25/12/2020

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 1   | Xây dựng chương trình kèm theo mẫu biểu báo cáo để hỗ trợ có dữ liệu thống kê nhiệt độ bình quân gia quyền tại bề làm cơ sở xem xét và giao khoán nhiệt độ bình quân cho các CHXD theo như kết luận của KTNN theo văn bản số 1331/PLX-HĐQT ngày 02/10/2019 | Yêu cầu: Cần thống kê nhiệt độ bình quân của hàng hóa<br>Chi tiết chỉnh sửa: Xây dựng mẫu báo cáo mới  |
| 2   | Chặn thực hiện chứng từ D2 trong trường hợp đối tượng trả tiền thuộc nhóm giá 90 - Giá xuất nội dụng không thuế  | Yêu cầu: Không thu tiền công nợ bằng chứng từ D2<br>Chi tiết:<br>- Chặn chọn thu công nợ CH tại chứng từ D2 (Tkhóa: 131202)<br>- Tạo mới chứng từ D4 phục vụ thu công nợ CH tại ca |

|    |  |  |
|----|--|--|
| 3  | <p>1. Không chặn hạn mức công nợ của chứng từ 411, 412 khi có tiền CK viết tại 411, CK1 hoặc nếu chặn thì phải trừ đi số tiền CK (Trong trường hợp chặn theo hạn mức)</p> <p>2. Khi clear chuyển tiền CK tại chứng từ CK1, 411 sang phát sinh có hoặc ưu tiên clear CK1, 411 trước so với các phát sinh NỢ trong tháng</p> | <p>Chi tiết chỉnh sửa: Sửa lỗi tiền chiết khấu làm giảm hạn mức công nợ của khách hàng (chứng từ 411, CK1)<br/>(Nội dung không UAT, update trực tiếp)</p>  |
| 4  | <p>Bổ sung điều kiện lọc dữ liệu "Đến ngày" hoặc ẩn các dòng thông tin giao hạn mức công nợ có giá trị "Đến ngày" &lt; 01/01 của năm hiện tại.</p>   | <p>Yêu cầu: Phân giao hạn mức công nợ khách cho CH chưa sắp xếp theo thời gian gây khó khăn cho việc theo dõi, cập nhật.<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Tại phân giao hạn mức công nợ khách cho CH, thêm điều kiện lọc cho giá trị "Hết hạn".</p> |
| 5  | <p>Chỉnh sửa nhóm quyền CH8 đối với các chứng từ WS3, SR1: Khi có các trường dữ liệu được load từ hệ thống TĐH thì không cho phép sửa lại chứng từ. Muốn sửa phân thêm quyền CH8.</p>  | <p>Hiện tại: Khi không phân quyền CH8, người dùng vẫn có thể sửa chữa các thông tin TĐH chứng từ WS3, SR1.<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Để sửa các thông tin TĐH tại chứng từ WS3, SR1, bắt buộc user phải được phân quyền CH8</p>              |
| 6  | <p>Thêm mới "Báo cáo thống kê sản lượng theo giá bán lẻ"</p>   | <p>Yêu cầu: Ban KDBL yêu cầu thêm mới.<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Thêm mới mẫu báo cáo</p>  |
| 7  | <p>Tại báo cáo Kế toán Vpcty/ B/c VPCT / Kết xuất dữ liệu Egas: Hiện thị các thông tin số lượng L15, nhiệt độ của chứng từ KS5,SR1</p>   | <p>Yêu cầu: Tại báo cáo Kế toán Vpcty/ B/c VPCT / Kết xuất dữ liệu Egas, thêm mới 02 trường dữ liệu: L15, nhiệt độ<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Chỉnh sửa theo yêu cầu</p>  |
| 8  | <p>Chỉnh sửa chức năng Cập nhật số kiểm định vòi bơm (WS3c)</p>  | <p>Yêu cầu: Tại chứng từ WS3c, thêm trường nhập thông tin Thử máy, Tự kiểm tra sai số. (Hiện tại chưa có)<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Chỉnh sửa theo yêu cầu</p>   |
| 9  | <p>Chỉnh sửa báo cáo Tổng hợp kiểm kê XDS: Thêm thông tin tồn đường ống</p>  | <p>Yêu cầu: Hiện tại báo cáo Tổng hợp kiểm kê XDS có các cột Chênh lệch (thừa thiếu); Tồn thực tế; Tồn sổ sách.<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Điều chỉnh công thức của cột Tồn kho thực tế: Tồn kho thực tế = Số đo bể + Tồn đường ống</p>       |
| 10 | <p>Xây dựng mẫu báo cáo thống kê sản lượng bán lẻ theo ngày</p>  | <p>Yêu cầu: Ban CSKD&amp;BB yêu cầu thêm mẫu mới<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Thêm mới theo yêu cầu</p>   |
| 11 | <p>Thêm điều kiện lọc Ngành hàng tại chức năng Kiểm kê HHK</p>   | <p>Yêu cầu: Bổ sung điều kiện lọc "Ngành hàng" tại bước chuẩn bị làm chứng từ KS6 – Kiểm kê HHK<br/>Chi tiết chỉnh sửa: Thêm theo yêu cầu</p>  |
| 12 | <p>AGAS18: Update chức năng tải file cập nhật bằng EGASSynch</p>   | <p>Phục vụ update AGAS18</p>   |

**NGÀY 19/10/2020**

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 1   | Bổ sung báo cáo so sánh sản lượng của từng khách hàng từng kỳ  | Bổ sung báo cáo  |
| 2   | Chức năng Clear chứng từ:<br>- Chọn clear đồng thời cho tất cả các CHXD, KH: đã có tiện ích này, đã hướng dẫn thực hiện<br>- Cần cảnh báo khi tháng thực hiện clear khác tháng của ngày thu tiền   | Bổ sung cảnh báo khi tháng thực hiện clear khác tháng chứng từ thu tiền  |
| 3   | Bổ sung thông tin sức chứa của bể trên báo cáo NXT mặt hàng XDS  | Thêm 02 cột thông tin: Sức chứa, Chênh lệch tại 05 mẫu báo cáo NXT tại đường dẫn: Kế toán Vpcty\ N-X-T   |
| 4   | Bổ sung báo cáo quy đổi sản lượng xuất bán dầu mỡ nhòn ra lít.   | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thêm phần khai báo giá trị quy đổi (cấp MD)</li><li>- Chính sửa báo cáo quy đổi: tại điều kiện lọc "Đơn vị tính quy đổi" chỉ hiện các ĐVT đã được quy đổi trong danh mục hàng hóa</li></ul>        |
| 5   | Bổ sung Báo cáo doanh thu, sản lượng của từng kho theo Khách (Mẫu TNB.BcaoXuatBanTheoKhach)  | Bổ sung báo cáo mới  |
| 6   | Bổ sung báo cáo xuất bán hàng hóa - khách chi tiết theo mặt hàng (E5, R95, KO, D05, D01) của các khách hàng dịch vụ có ký hợp đồng để làm bảng kê chi tiết xác định lãi gộp tăng thêm các khách hàng dịch vụ có ký hợp đồng, sản lượng từ 3m3 /khách/tháng theo VB687/PLX-KDBL ngày 04/06/2019 | Bổ sung báo cáo mới  |
| 7   | Cải tiến Báo cáo tình hình thu nộp tiền hàng ca 1.2.3 bổ sung những tiêu chí: Giờ thu, Chênh lệch, Ghi chú, Ngân hàng, Số lần thu (theo mô tả của biểu mẫu đã gửi) để kiểm soát chặt chẽ hơn   | Sửa lại báo cáo hiện hành: Tách theo danh mục Ngân hàng  |
| 8   | Không hiển thị các CBCNV đã được điều động, nghỉ hưu, nghỉ việc,... khi chọn điều kiện lọc truy xuất dữ liệu khai thác báo cáo   | Sửa báo cáo "Số quỹ1" (id = CashBookPOS): Các CBCNV không thuộc danh sách có hiệu lực của CH (Ví dụ: được điều động, nghỉ hưu, nghỉ việc,...) khi chọn điều kiện lọc thì hiển thị ở cuối danh sách và thêm "- KSD" để người dùng phân biệt |
| 9   | Cập nhật tỷ lệ hao hụt định mức mới trên EGAS: Ngày hiệu lực đang để mặc định đến ngày "31/12/2099" do chưa xác định được thời gian hết hiệu lực. Tuy nhiên, khi giao tỷ lệ mới cho  | Bổ sung điều kiện lọc cho phép lọc thời gian đến ngày hiệu lực. Đồng thời thêm chức năng copy ngày hết hạn hiệu lực hỗ trợ người dùng.   |

|    |   |   |
|----|---|---|
|    | cửa hàng, trước tiên, bộ phận nghiệp vụ Phòng QLKT phải điều chỉnh ngày hết hiệu lực cho tỷ lệ cũ trước rồi mới thêm một dòng khai báo mới để thời gian hiệu lực không trùng lặp nhau<br>Đề xuất: hỗ trợ cung cấp công cụ để cập nhật nhanh chóng, thuận tiện khi có sự thay đổi nhiều mặt hàng ở tất cả các CH |   |
| 10 | Xây dựng các hệ thống bảng kê theo nhiều chiều phân tích như giá – khách<br>-<br>Bkexuatban_gia_khach_CHXD_Hhoa<br>- Bkexuatban_ngay_CHXD_Hhoa;<br>- Bkexuatban_khach_CHXD_Hhoa   | Bổ sung các mẫu báo cáo mới   |
| 11 | Xây dựng các báo cáo để khai thác dữ liệu AGAS ở các CHXD cùng lúc  | Chỉnh sửa các báo cáo TĐH:<br>- Cho phép chạy nhiều CH cùng lúc<br>- Thêm cột thể hiện thông tin CH tại mỗi dòng dữ liệu.   |
| 12 | Đề nghị bổ sung phần thu nộp tiền hàng cho từng CH có rút tồn theo từng ngày cho 1 chu kỳ báo cáo (từ ngày...đến ngày)  | Bổ sung báo cáo mới   |
| 13 | Bổ sung theo mẫu Bảng kê xuất bán theo Khách - Group - Mặt hàng   | Bổ sung báo cáo mới   |
| 14 | Theo dõi công nợ khách chuyển tiền nạp thẻ trên DWH   | - Sửa dữ liệu đầu vào DWH: Dữ liệu đồng bộ lên DWH cần ghi nhận được thông tin tài khoản công nợ (131202, 131205, 131207)<br>- Sửa các báo cáo DWH: Bổ sung ĐKL Tài khoản.  |
| 15 | Thêm diễn giải chi tiết cho các chỉ tiêu chi phí có chứng từ là biên lai, biên nhận lên trên bảng kê chứng từ thanh toán  | Danh sách các nghiệp vụ chỉnh sửa:<br>- Sửa các Tcode: BK3, BK5, BK9, BK10<br><br>- Sửa các báo cáo:<br>+ Bảng kê chứng từ thanh toán (CP.R08)<br>+ Bảng kê chứng từ thanh toán-VP (CP.R03)<br>Sửa lại cách lấy thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy tại trường "Diễn giải" được cập nhật chi tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật thì lấy tại trường "Ghi chú"<br><br>- Sửa chức năng tích hợp lên SAP<br>+ Chức năng kết xuất dữ liệu:<br>+ View log kết xuất<br>+ View dữ liệu chi phí (LCCN/chi tiền)<br>Sửa lại cách lấy thông tin "Diễn giải": ưu tiên lấy tại trường "Diễn giải" được cập nhật chi |

|    |   |  |
|----|---|--|
|    |   | tiết từng chỉ tiêu. Nếu không cập nhật thì lấy tại trường "Ghi chú"                      |
| 16 | Chặn kỳ kế toán ở tất cả các phương thức kê cả xoá, sửa (CM1, WS1, WS3,..)  | Chỉnh sửa phân chặn kỳ kế toán phương thức: khi đã chặn kỳ không cho phép chỉnh sửa/xóa  |
| 17 | Bổ sung báo cáo: Thống kê dữ liệu in biên lai bán hàng  | Bổ sung báo cáo mới  |
| 18 | Bổ sung chi tiết chiết khấu đến từng mặt hàng cho khách tại <i>Bảng kê chi tiết chiết khấu thương mại</i>   | Chỉnh sửa các báo cáo chiết khấu: hiển thị thông tin chi tiết tới mức mặt hàng.          |
| 19 | Xây dựng báo cáo theo dõi trạng thái đóng cá (tạm thời/vĩnh viễn) của tất cả các CH   | Bổ sung báo cáo mới  |
| 20 | 1. Bảng kê chứng từ thanh toán cst0 link vào chứng từ chi tiết chặn không cho chỉnh sửa LHKD<br>2. Bảng kê chứng từ thanh toán cst0 đề nghị cho sắp xếp thêm mức thuế VAT từ cao xuống thấp 10%, 5%, trực tiếp, Không Vat. Đối với từng loại hóa đơn cũng xếp theo mức vat từ lớn đến nhỏ | Chỉnh sửa lỗi chọn lại được phần Loại hình kinh doanh khi mở lại chứng từ BK3, BK5, BK9. |

## NGÀY 06/07/2020

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 1   | Cài đặt EGAS Client đồng bộ dữ liệu lâu  | - Dùng Tool hiện có để nén dữ liệu các năm cũ (từ năm 2018 trở về trước)<br>- Xem dữ liệu: menu "Bảng kê hóa đơn MST (DL nén)"  |
| 2   | Đường truyền hay bị gián đoạn, không thể đăng nhập được hoặc rất chậm vào các ngày cuối tháng/ đầu tháng và các kỳ thay đổi giá.   | Kiểm tra "Hệ thống / Quản trị hệ thống / Tình hình sử dụng báo cáo" để xác định báo cáo chậm/ thời điểm chậm<br>--> từ đó tuning báo cáo/ CSDL  |
| 3   | Báo cáo "Tình hình thực hiện hợp đồng":<br>+ Bổ sung thêm cột "Ngày hết hạn" của hợp đồng trên<br>+ Thể hiện các hợp đồng đã phát sinh trong khoảng thời gian chạy báo cáo | - Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng:<br>+ Bổ sung cột "Ngày kết thúc"<br>+ Bổ sung link drill down báo cáo chi tiết tại mã khách hàng<br>- Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng chi tiết (BC drill down):<br>+ Chi tiết theo từng hợp đồng có hiệu lực trong khoảng thời gian chạy báo cáo |
| 4   | Chọn nhiều nhóm hàng hóa tại tham số lọc báo cáo   | Bổ sung điều kiện lọc Ngành hàng theo kiểu MultiCheck   |
| 5   | Cho giao thêm định mức chi phí trong kỳ như tiền điện, chi phí tiếp thị (có phân quyền)  | Tại màn hình "Giao chi phí khoán", cho sửa lại định mức đã giao, người dùng sẽ chịu trách nhiệm với nội dung điều chỉnh (user cần được phân 01 trong các nhóm quyền: CEN0; CEN1; CEN2)  |

|    |   |  |
|----|---|--|
| 6  | Bổ sung báo cáo để lọc dữ liệu theo giờ (theo dõi bán hàng đêm)   | Bổ sung báo cáo mới  |
| 7  | Bổ sung thêm tham số lọc Nhóm hàng hoá và Hàng hoá vào bảng kê hoá đơn MST  | Sửa lại báo cáo hiện hành  |
| 8  | Bảng kê xuất bán hàng hóa (Chi tiết): đề nghị bổ sung thêm cột ghi chú (thể hiện phần ghi chú trên hóa đơn: Hóa đơn VAT/ghi chú).   | Thêm cột Ghi chú (Lấy thông tin từ cột "Ghi chú" trên Tab "hoá đơn VAT" của chứng từ) vào cuối báo cáo   |
| 9  | Bổ sung báo cáo sản lượng xuất bán đêm (22h -5h) theo các kỳ báo cáo  | Bổ sung báo cáo "Sản lượng xuất bán theo giờ"<br>- Lấy thông tin từ các Log TĐH<br>- Cho phép chạy trong 1 khung giờ nhất định (Từ giờ...đến giờ...) ở 1 khoảng thời gian (từ ngày...đến ngày)         |
| 10 | Hiện tại: Chức năng input từ excel chưa cho phép input theo đúng định dạng số giống OutPut<br>Đề xuất: Cho phép Input định dạng số từ excel giống như Output  | Tại chức năng import dữ liệu, cho phép chọn định dạng dấu "." và ","   |
| 11 | Hiện tại: Sau khi kết xuất ra excel thì muốn chạy báo cáo theo tham số khác phải kích chọn lại menu báo cáo<br>Đề xuất: Sau khi kết xuất ra excel thì vẫn chạy báo cáo theo tham số khác mà không phải kích chọn lại menu báo cáo | Chỉnh sửa để sau khi kết xuất excel định dạng báo cáo tại EGAS không thay đổi  |
| 12 | Bổ sung thêm giờ chứng từ, giờ hệ thống "Bảng kê hóa đơn lưu hành" trên EGAS.   | Sửa báo cáo "Bảng kê hoá đơn lưu hành" (Id = TaxListingOut)<br>- Sửa cột: Ngày hoá đơn (bổ sung thêm giờ chứng từ)<br>- Thêm cột: Sysdate (thời gian tạo chứng từ)                                     |
| 13 | Biên bản thanh lý HĐ bổ sung Tổng theo cột Số lượng, Thành tiền của từng mặt hàng   | Sửa báo cáo: bổ sung Tổng theo cột Số lượng, Thành tiền của từng mặt hàng  |
| 14 | Báo cáo:<br>+ Cho phép chọn đồng thời nhiều nội dung cho một chỉ tiêu (ví dụ: chọn 10 khách hàng lên một báo cáo)<br>+ Lưu lại thông tin đã lựa chọn để sử dụng cho những kỳ báo cáo khác nhau.                                   | - Chọn nhiều nội dung: thay đổi cách thức lọc, tuy nhiên cách thức chọn này sẽ khó khăn trong việc tìm kiếm (nhất là với danh mục nhiều như Khách hàng)<br>- Lưu lại thông số: Đề xuất không thực hiện |
| 15 | Nhiều mẫu biểu không có tên người lập biểu và cửa hàng trưởng   | Là các báo cáo có mục đích chính là xem dữ liệu, không dùng để in.<br>Sẽ sửa lại lại các mẫu theo yêu cầu  |

|    |   |  |
|----|---|--|
| 16 | Bổ sung cho nhiều user viết hóa đơn trong ca bán hàng (ngoài ca trưởng như hiện nay)  | Sửa lại giải pháp để cho các nhân viên ca phát hành được hóa đơn theo user riêng   |
| 17 | Sửa lại biểu mẫu M22 - Báo cáo theo dõi tuổi nợ<br>- Chính cột ngày nợ, lấy số liệu từ số ngày nợ của báo cáo "Công nợ phải thu theo ngày due-date" - giá trị này được khai báo dựa trên hợp đồng.<br>- Bổ sung thêm chức năng chọn theo: Ngày nợ bình quân / Ngày nợ thực tế | - Nội dung 1: Giữa 02 biểu đang thể hiện 02 thông tin khác nhau:<br>+ M22: Ngày nợ bình quân<br>+ Công nợ phải thu theo ngày due-date: theo ngày nợ thực tế<br>- Nội dung 2: KV2 xác nhận bỏ yêu cầu này. (chi tiết trong file FS gửi kèm)   |
| 18 | Quá trình đồng bộ dữ liệu từ AGAS sang EGAS chưa giải quyết dứt điểm được vấn đề time out trên Cassini dẫn đến treo, xuất hóa đơn chậm tại EGAS cửa hàng(ITSM-SD133291), phải thường xuyên khởi động lại Cassini  | Rà soát lại nguyên nhân mức Code (chặn 1 thời điểm chỉ 1 phiên làm việc)   |
| 19 | Sửa "Báo cáo so sánh giữa số liệu TĐH với số giao ca" bổ sung thêm các bề khi chốt ca để hỗ trợ cho việc đối soát, đánh giá số liệu giữa số TĐH và số giao ca của các trụ bơm, bề   | - Đầu vào: Chính sửa chứng từ WS3, tab "Chốt cụm bề": bổ sung thêm các thông tin để kiểm soát số liệu TĐH (tương tự tab "Số đo vòi bơm chốt WS3). Các thông tin cần bổ sung bao gồm:<br>+ Có TĐH<br>+ Thời gian AGAS trả kết quả về<br>+ Mã lỗi<br>+ Lưu ngầm thông tin: Vtt ghi nhận tại thời điểm chốt bằng TĐH<br>- Đầu ra: Báo cáo so sánh số liệu tự động hóa và giao ca (id= TDHCL01): Bổ sung thêm thông tin so sánh số liệu đo bề bằng TĐH và số liệu giao ca. |
| 20 | Kết xuất dữ liệu báo cáo ra Excel bị mất đuôi số 0  | Chính sửa hệ thống, fix các lỗi gây mất số 0 ở đầu và cuối tại trường dữ liệu khi kết xuất excel   |
| 21 | Bổ sung chức năng nhập "Biên lai, biên nhận" cho các chỉ tiêu Chi phí bất thường.   | Bổ sung chức năng mới BK10 "Biên lai, biên nhận" - Chứng từ chi phí bất thường<br>Chính sửa các báo cáo đầu ra liên quan   |
| 22 | Chính sửa cho phép gán CBCNV vào cuối kỳ kế toán  | Cho phép thêm CBCNV vào ca trong ngày cuối kỳ kế toán  |
| 23 | Chính sửa phần chiết khấu:<br>Không chặn hạn mức công nợ đối với chứng từ CK1, 411  | Chính sửa phần mềm không chặn hạn mức công nợ đối với các phần chiết khấu  |

**NGÀY 14/05/2020**

| Stt | Chức năng | Nội dung thay đổi |
|-----|-----------|-------------------|
|-----|-----------|-------------------|



|   |   |  |
|---|---|--|
| 1 | Chỉnh sửa mẫu biểu M07                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại chứng từ SR1: bỏ tab Tầm mức phương tiện, thay bằng tab Thông tin bổ sung</li> <li>- Thay đổi mẫu biểu M07 theo Quy chế QLCH</li> </ul>   |
| 2 | Update nhóm báo cáo liên quan tới nghiệp vụ chiết khấu: | <p>Danh sách báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ (ID=M10)</li> <li>- Bảng kê xuất bán theo hóa đơn viết sau (ID=M10A)</li> <li>- Nhật ký chứng từ nhập xuất hàng hóa (ID=Bk_NX)</li> <li>- Báo cáo xuất bán hàng hóa (ID=Bc_XuatBan)</li> <li>- Bảng kê xuất bán hàng hóa (ID=Bk_XuatBan)</li> <li>- Báo cáo xuất bán hàng hóa tại các kho (ID=Bc_XuatBanDst)</li> <li>- Bảng kê xuất bán hàng hóa dịch vụ theo ca (ID=M10WS)</li> </ul> |

## NGÀY 27/04/2020

| Stt | Chức năng   | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 1   | Gán CBCNV vào ca bán hàng   | <p>Không thực hiện gán được CBCNV thuộc các trường hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chuyển sang cửa hàng khác trong thời gian mở ca</li> <li>- Hết thời hạn làm việc tại cửa hàng trong thời gian mở ca</li> </ul> <p>-Trạng thái “nghỉ việc”</p> |
| 2   | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chứng từ chốt bể, cột bơm cuối ca – WS3</li> <li>-Báo cáo tình hình sử dụng cột đo xăng dầu – M19-1</li> </ul>  | <p>Bỏ trường lượng xuất khác</p> <p>Bổ sung thông tin: Tự kiểm tra sai số</p>  |
| 3   | <p>Báo cáo hao hụt xăng dầu theo định mức – M23:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Báo cáo hao hụt xăng dầu theo định mức</li> <li>-Báo cáo hao hụt xăng dầu theo định mức (nhập + xuất)/2</li> </ul> | Thực hiện theo mẫu quy chế QLCH.   |
| 4   | Báo cáo so sánh hao hụt thực tế so với định mức – M24   | Thực hiện theo mẫu quy chế QLCH.   |
| 5   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhập di chuyển XDS đến CHXD</li> <li>- Biên bản giao nhận xăng dầu-M07</li> </ul>  | <p>Chỉnh sửa mẫu biên bản, thêm các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Số mẫu lưu gửi theo xe</li> <li>-Số hiệu niêm mẫu</li> </ul>  |

|   |                      |   |
|---|----------------------|---|
|   |                      | -Tỷ trọng D15 tại hóa đơn<br>-Số mẫu lưu lấy tại xe trước khi nhập hàng<br>-Số hiệu niêm mẫu<br>-Tỷ trọng D15 tại phương tiện trước nhập<br>-Số hiệu niêm tại Xitec: Ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3 |
| 6 | Quy đổi Dtt sang D15 | Tại chứng từ KS5, thêm chức năng tra cứu: lấy căn cứ từ nhiệt độ và Dtt, tra cứu ra D15   |

## NGÀY 20/04/2020

| Stt | Chức năng                  | Nội dung thay đổi   |
|-----|----------------------------|---|
| 1   | Quản lý khách hàng cá nhân | <ol style="list-style-type: none"> <li>DWH: Bổ sung Báo cáo tuổi nợ công nợ phải thu khách hàng cá nhân có HĐ tại CHXD. Báo cáo lấy dữ liệu của khách hàng cá nhân – thuộc nhóm khách F007.</li> <li>Chỉnh sửa template tích hợp Báo cáo tổng hợp thông tin công nợ khách hàng tại công ty</li> </ol> |

## NGÀY 4/2/2020

| Stt | Chức năng  | Nội dung thay đổi   |
|-----|--|---|
| 1   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng hợp NXT Ấn chỉ bảo hiểm</li> <li>Tổng hợp NXT Ấn chỉ bảo hiểm(2)</li> <li>NXT Ấn chỉ bảo hiểm/CHXD</li> <li>NXT Ấn chỉ bảo hiểm toàn Cty</li> <li>Giao nhận ấn chỉ bảo hiểm</li> </ul> | Hóa đơn truyền thống/ Ấn chỉ bảo hiểm: Sửa các Báo cáo<br>- Đổi tên thành "Báo cáo NXT ấn chỉ"<br>- Cho phép lựa chọn nhiều CH khi chạy         |
| 2   | Phát hành HDDT bị lỗi  | Bỏ chức năng chuyển từ HĐĐT sang HĐTT khi phát hành hóa đơn điện tử bị lỗi  |
| 3   | Hình thức phát hành hóa đơn  | Bỏ hình thức phát hành HĐTT   |
| 4   | Thêm/Sửa/Xóa cán bộ NV ca bán hàng   | Khóa dữ liệu phân công cán bộ CNV trong Ca bán hàng/Nhân viên ca theo kỳ kế toán. Khi khóa kỳ kế toán không thêm/sửa/xóa nhân viên ca bán hàng. |
| 5   | Bảng kê hóa đơn theo ca  | Bảng kê hóa đơn theo ca bổ sung dòng "Tổng cộng" cột Tổng tiền  |

|    |  |  |
|----|--|--|
| 6  | Chức năng hủy hóa đơn  | 'Khóa chức năng hủy hóa đơn của các User cửa hàng tại chương trình EGAS. Chức năng này chỉ được mở bởi User quản lý tại văn phòng phân quyền <b>CH10 - Quyền tạo và sửa và xóa Hóa đơn</b>         |
| 7  | Bảng kê chi tiết hóa đơn bán hàng                                    | Xây dựng bảng kê chi tiết hóa đơn bán hàng   |
| 8  | Nhập di chuyển XDS đến CHXD  | Mở lại tab Số đo phương tiện trên chứng từ SR1   |
| 9  | Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng – Quy chế QLCH mới(M04)        | Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng sửa theo quy chế QLCH mới(M04)   |
| 10 | Biên bản thanh lý hợp đồng - Quy chế QLCH mới(M05)                   | Biên bản thanh lý hợp đồng sửa theo quy chế QLCH mới(M05)  |
| 11 | Bảng kê bán hàng và giao ca - Quy chế QLCH mới(M08)                  | Bảng kê bán hàng và giao ca sửa theo quy chế QLCH mới(M08)   |
| 12 | Bảng kê tổng hợp bán hàng – Quy chế QLCH mới(M09)                    | Bảng kê tổng hợp bán hàng sửa theo quy chế QLCH mới(M09)   |
| 13 | Bảng kê công nợ phải thu khách hàng tại CHXD - Quy chế QLCH mới(CT6) | Bảng kê công nợ phải thu khách hàng tại CHXD sửa theo quy chế QLCH mới(CT6)  |
| 14 | Chức năng đóng ca  | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bỏ chặn thời gian đóng ca – thời gian mở ca <math>\leq 60</math> phút.</li> <li>2. Thời gian đóng ca <math>&gt;</math> Thời gian mở ca 1 phút</li> </ol> |

## NGÀY 25/12/2019

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi   |
|-----|---|---|
| 1   | Mở ca bán hàng: chặn không cho giao nhau ngày                                       | Không cho mở/sửa thời gian mà thời gian này đã thuộc ca khác        |
| 2   | Báo có: lưu lại user, ngày giờ báo CÓ khi thực hiện tại màn hình danh sách chứng từ | Lưu lại lịch sử user, ngày giờ báo có chứng từ CH7, CH8             |
| 3   | Chặn không cho sửa các chứng từ D2 sau khi đã gán thanh toán.                       | Chứng từ D2 sau khi đã gán thanh toán thì không cho phép sửa, xóa   |
| 4   | Về cấp quyền hiệu chỉnh thông số " Temperature Offset "                             | Sinh thêm menu item riêng để hiệu chỉnh chỉ số "Temperature Offset" |

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi   |
|-----|---|---|
| 5   | Chặn không lập hóa đơn đóng ca 490, 491 khi mặt hàng là xăng dầu sáng có số lượng nhỏ hơn 1 lít.  | Nếu chứng từ 490, 491 có mặt hàng là XDS có lượng nhỏ hơn 1L thì không cho phép lưu chứng từ  |
| 6   | Nâng cấp cách thức lấy dữ liệu cho báo cáo (cải tiến tốc độ)  | Cải thiện tốc độ chạy các báo cáo   |
| 7   | Bổ sung history cho chức năng Mở kỳ theo Phương thức, kỳ nhiệt độ khoán   | Lưu lại lịch sử user, ngày giờ thực hiện chức năng mở Kỳ theo phương thức, kỳ nhiệt độ khoán  |
| 8   | Phê duyệt đơn hàng<br>Hiện tại cột số lượng bán BQ lấy 1 tháng Số liệu. Sửa chương trình:<br>1. Đơn đặt hàng lấy số lượng bán BQ số liệu BQ 5-7 ngày trước.<br>2. Sửa số lấy dữ liệu tồn TĐH vào đơn đặt hàng | - Kiểm tra/ chỉnh sửa lại công thức cột Lượng bán bình quân 3 tháng trước liền kề<br>- Thêm cột Lượng bán trong 10 ngày trước liền kề                   |
| 9   | Mẫu Biên bản kiểm kê XDS - thay đổi giá<br>1. Bổ sung thêm cột Tồn đường ống.<br>2. Cột tồn số sách tính thêm lượng nếu có tồn đường ống  | - Bổ sung cột Tồn đường ống tại Biên bản kiểm kê XDS - Thay đổi giá<br>- Tính thêm lượng tồn đường ống cho cột tồn kho số sách                          |
| 10  | BC tình hình thực hiện hợp đồng<br>Bổ sung Cột lấy số liệu thêm BQ theo tháng có PS số liệu (các cột SL, PS Nợ, Dư CK)  | - Chỉnh sửa lại công thức cho các cột Số lượng, Phát sinh nợ, Dư CK (phần trung bình): chỉ chia cho các tháng có phát sinh dữ liệu                      |
| 11  | Biên bản kiểm kê tồn kho xăng dầu   | - Thêm cột cho phép nhập tay Tỷ trọng thực tế tại chứng từ KS5<br>- Điều chỉnh mẫu in Biên bản kiểm kê tồn kho XDS theo mẫu Tập Đoàn mới ban hành (M01) |
| 12  | Chốt ca khi tràn số cột bơm   | -Sửa khắc phục lỗi tràn số cột bơm khi chốt cột bơm cuối ca bán hàng  |
| 13  | Báo cáo xuất bán quy đổi Kg   | Báo cáo xuất bán quy đổi Kg hiển thị chính xác số lượng theo đơn vị tính thực tế của mặt hàng và số lượng quy đổi lấy 2 số thập phân theo kg            |

**NGÀY 25/12/2019**

| STT | Chức năng                                     | Nội dung thay đổi  |
|-----|---|--|
| 1   | Mở ca bán hàng: chặn không cho giao nhau ngày | Không cho mở/sửa thời gian mà thời gian này đã thuộc ca khác |

| STT | Chức năng   | Nội dung thay đổi   |
|-----|---|---|
| 2   | Báo có: lưu lại user, ngày giờ báo CÓ khi thực hiện tại màn hình danh sách chứng từ   | Lưu lại lịch sử user, ngày giờ báo có chứng từ CH7, CH8   |
| 3   | Chặn không cho sửa các chứng từ D2 sau khi đã gán thanh toán.   | Chứng từ D2 sau khi đã gán thanh toán thì không cho phép sửa, xóa   |
| 4   | Về cấp quyền hiệu chỉnh thông số " Temperature Offset "   | Sinh thêm menu item riêng để hiệu chỉnh chỉ số "Temperature Offset"   |
| 5   | Chặn không lập hóa đơn đóng ca 490, 491 khi mặt hàng là xăng dầu sáng có số lượng nhỏ hơn 1 lít.  | Nếu chứng từ 490, 491 có mặt hàng là XDS có lượng nhỏ hơn 1L thì không cho phép lưu chứng từ  |
| 6   | Nâng cấp cách thức lấy dữ liệu cho báo cáo (cải tiến tốc độ)  | Cải thiện tốc độ chạy các báo cáo   |
| 7   | Bổ sung history cho chức năng Mở kỳ theo Phương thức, kỳ nhiệt độ khoán   | Lưu lại lịch sử user, ngày giờ thực hiện chức năng mở Kỳ theo phương thức, kỳ nhiệt độ khoán  |
| 8   | Phê duyệt đơn hàng<br>Hiện tại cột số lượng bán BQ lấy 1 tháng Số liệu. Sửa chương trình:<br>1. Đơn đặt hàng lấy số lượng bán BQ số liệu BQ 5-7 ngày trước.<br>2. Sửa số lấy dữ liệu tồn TĐH vào đơn đặt hàng | - Kiểm tra/ chỉnh sửa lại công thức cột Lượng bán bình quân 3 tháng trước liền kề<br>- Thêm cột Lượng bán trong 10 ngày trước liền kề                   |
| 9   | Mẫu Biên bản kiểm kê XDS - thay đổi giá<br>1. Bổ sung thêm cột Tồn đường ống.<br>2. Cột tồn số sách tính thêm lượng nếu có tồn đường ống  | - Bổ sung cột Tồn đường ống tại Biên bản kiểm kê XDS - Thay đổi giá<br>- Tính thêm lượng tồn đường ống cho cột tồn kho số sách                          |
| 10  | BC tình hình thực hiện hợp đồng<br>Bổ sung Cột lấy số liệu thêm BQ theo tháng có PS số liệu (các cột SL, PS Nợ, Dư CK)  | - Chỉnh sửa lại công thức cho các cột Số lượng, Phát sinh nợ, Dư CK (phần trung bình): chỉ chia cho các tháng có phát sinh dữ liệu                      |
| 11  | Biên bản kiểm kê tồn kho xăng dầu   | - Thêm cột cho phép nhập tay Tỷ trọng thực tế tại chứng từ KS5<br>- Điều chỉnh mẫu in Biên bản kiểm kê tồn kho XDS theo mẫu Tập Đoàn mới ban hành (M01) |

| STT | Chức năng                   | Nội dung thay đổi  |
|-----|-----------------------------|--|
| 12  | Chốt ca khi tràn số cột bơm | -Sửa khắc phục lỗi tràn số cột bơm khi chốt cột bơm cuối ca bán hàng   |
| 13  | Báo cáo xuất bán quy đổi Kg | Báo cáo xuất bán quy đổi Kg hiển thị chính xác số lượng theo đơn vị tính thực tế của mặt hàng và số lượng quy đổi lấy 2 số thập phân theo kg |

**NGÀY 25/10/2019**

| STT | Chức năng                           | Nội dung thay đổi  |
|-----|-------------------------------------|--|
| 1   | Bán Cno trả chậm kiêm hóa đơn (411) | Bổ sung nghiệp vụ chiết khấu thương mại: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tiền, tiền thuế được giảm trừ tiền chiết khấu trên hóa đơn 411,IV1</li> <li>- Gán thanh toán tiền chiết khấu thể hiện âm</li> </ul>   |
| 2   | Xuất HĐ sau – công nợ (IV1)         |  |
| 3   | Xuất HĐ chiết khấu thương mại (CK)  |  |
| 4   | Gán thanh toán                      |  |
| 5   | Kiểm kê hàng hóa (KS5)              | Cửa hàng có TĐH đo bể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ: theo số liệu TĐH</li> <li>- D15: lấy D15 của chứng từ nhập (SR1) cuối cùng trước khi kiểm kê</li> <li>- VCF: Tự động tính toán theo nhiệt độ và D15</li> <li>- Hc, Hn,Vc, Vn, Vtt, V15: theo số liệu TĐH</li> </ul> Cửa hàng không có TĐH bể: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ: tự nhập nhiệt độ thực tế tại bể</li> <li>- D15: lấy D15 của chứng từ nhập (SR1) cuối cùng trước khi kiểm kê</li> <li>- Hc, Hn tự nhập tay</li> <li>- Vc, Vn, Vtt, V15: tính toán tự động không cho phép sửa.</li> </ul> |
| 6   | Tích hợp SAP                        | Bổ sung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiết khấu thương mại</li> </ul> Sửa đổi: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng từ KS5 bổ sung thêm V15, tích hợp tồn Vtt theo từng mặt hàng/ cửa hàng</li> </ul>   |
| 7   | Tự động khóa dữ liệu toàn hệ thống  | Bổ sung <ul style="list-style-type: none"> <li>- User được phân quyền sẽ thực hiện khai báo ngày mà hệ thống sẽ tự động khóa dữ liệu.</li> </ul>   |

| STT | Chức năng                       | Nội dung thay đổi  |
|-----|---------------------------------|--|
|     |                                 | - Thực hiện mở khóa cho đơn vị cần sửa dữ liệu   |
| 8   | Cập nhật VCF hàng hóa           | - Các User được phân thêm quyền VCF mới được cập nhật  |
| 9   | Sửa xóa chứng từ TT2            | - Các User được phân thêm quyền CH9 mới thực hiện sửa xóa chứng từ TT2   |
| 10  | Cập nhật giá hàng hóa           | - Không cho lưu khi ngày hết hạn nhỏ hơn ngày hiệu lực<br>- Nếu ngày hết hạn trống vẫn cho lưu   |
| 11  | Đồng bộ dữ liệu                 | - Chính sửa thời gian đồng bộ giữa các phiên là 2 phút   |
| 12  | Chức năng phân hệ chi phí       | Khi thao tác các chức năng phân hệ chi phí thì sẽ được mở tại tab mới, tab làm việc hiện tại vẫn được giữ nguyên   |
| 13  | Chứng từ chốt ca (WS3)          | - Bổ sung thêm trường thông tin lưu: Lượng thử máy, Lượng xuất khác.   |
| 14  | Phát hành Hóa đơn điện tử       | - Lỗi tạo 22 (phát hành hóa đơn quá ngày hiện tại) khi sửa lại ngày giữ nguyên MTC không đổi   |
| 15  | Sổ giao ca                      | Chính sửa:<br>- Cột xuất khác = lượng thử máy + lượng kiểm định + lượng xuất khác  |
| 16  | Tình hình sử dụng cột bơm       | Bổ sung báo cáo theo dõi từng cột bơm  |
| 17  | Các báo cáo về TĐH              | Chính sửa bể/vòi bơm sắp xếp theo trạng thái:<br>- "Đang sử dụng" sắp xếp ở phía trên<br>- "Không sử dụng" sắp xếp xuống dưới và hiển thị bổ sung thêm đuôi phía sau mã + tên + "KSD". |
| 18  | Bảng kê nhập di chuyển XDS      | Chính sửa:<br>- Thêm điều kiện lọc: kho xuất<br>- Thể hiện thông tin kho xuất tại báo cáo  |
| 19  | Bảng kê nhập XDS                | Bổ sung dòng Tổng cộng theo mặt hàng tại cột L_TT, L_15  |
| 20  | Bảng kê hóa đơn MST             | Bổ sung điều kiện lọc dữ liệu theo MST, Tên khách hàng, Địa chỉ  |
| 21  | Bảng kê hóa đơn lưu hành        |  |
| 22  | Công nợ khách hàng theo công ty |  |

| STT | Chức năng                                      | Nội dung thay đổi  |
|-----|--|--|
| 23  | Công nợ khách hàng theo CHXD                   | Bổ sung điều kiện lọc theo đơn vị tính: đồng, nghìn, triệu |
| 24  | Công nợ khách hàng toàn công ty                |  |
| 25  | Cnợ phải thu của khách tại các CHXD            |  |
| 26  | Khách hàng quá hạn thanh toán - Cty            |  |
| 27  | Khách hàng quá hạn thanh toán - CHXD           |  |
| 28  | Khách quá hạn thanh toán tại các CHXD          |  |
| 29  | Bc tổng hợp thông tin công nợ Cty              |  |
| 30  | Bc tổng hợp thông tin công nợ Cửa hàng tại cty |  |
| 31  | Bc tổng hợp thông tin công nợ khách tại chxd   |  |
| 32  | Báo cáo đối soát SAP- EGAS                     |  |
| 33  | Chi tiết công nợ phải thu tại cửa hàng         | Chỉnh sửa bổ sung thêm nghiệp vụ chiết khấu                |
| 34  | Sổ theo dõi công nợ khách                      |  |
| 35  | Sổ theo dõi công nợ khách (TH)                 |  |
| 36  | Bảng kê tổng hợp hóa đơn MST                   |  |
| 37  | Bảng kê hóa đơn MST                            |  |
| 38  | Công nợ phải thu theo ngày due-date            |  |
| 39  | Bảng kê chi tiết chiết khấu thương mại         | Bổ sung báo cáo theo nghiệp vụ chiết khấu thương mại       |
| 40  | Bảng kê tổng hợp chiết khấu thương mại         |  |